

Bản án số: 27/2018/DS-ST
Ngày 27/7/2018
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lù Văn Quý – Cán bộ hưu trí.
2. Ông Quàng Văn Pậu – Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa: bà Cà Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: ông Phạm Quốc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; Địa chỉ: số nhà X, tổ 12, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984 (có mặt); chị Nguyễn Mai H, sinh năm 1984 (vắng mặt có lý do); Địa chỉ: số nhà Y, Tổ 10, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 24/6/2015 bà T có cho vợ chồng anh T chị H vay số tiền 160.000.000,đ thời hạn thanh toán vào ngày 1/12/2015. Nhưng đến thời hạn

thanh toán anh T chị H vẫn chưa thanh toán số tiền đã vay. Bà T đã đến đòi nhiều lần nhưng anh T chị H vẫn không thanh toán được. Vì vậy bà T đề nghị anh T chị H phải thanh toán số tiền gốc là 160.000.000,đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ 01/01/2016 cho đến thời điểm xét xử, mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh Nguyễn Thanh T xác nhận ngày 24/6/2015 vợ chồng anh chị có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 160.000.000,đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) thời hạn thanh toán vào ngày 31/12/2015 nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đến nay vẫn chưa thanh toán được cho bà T. Hiện nay anh T đã xin được việc làm và đề nghị thanh toán mỗi tháng 1.000.000,đ (một triệu đồng) cho bà T nhưng bà T không nhất trí. Vợ chồng anh T chị H nhất trí có trách nhiệm thanh toán cho bà T trong thời gian sớm nhất.

Tại các bản tự khai chị Nguyễn Mai H trình bày:

Chị Nguyễn Mai H nhất trí toàn bộ với các quan điểm ý kiến của chồng là anh Nguyễn Thanh T. Chị H xác nhận vợ chồng chị có vay của bà T số tiền 160.000.000,đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) đến nay chưa thanh toán được. Chị Nguyễn Mai H nhất trí có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị bị đơn anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Mai H thanh toán số tiền gốc 160.000.000,đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), số tiền lãi từ 01/01/2016 cho đến thời điểm xét xử, mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Bị đơn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS 2015: Xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật (theo Điều 26, Điều 35); Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, được triệu tập đầy đủ tham gia vụ án theo quy định tại Điều 68 BLTTDS; Hoạt động thu thập chứng cứ đúng theo quy định từ Điều 91 đến Điều 97 BLTTDS; Cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của các bên đương sự có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên và của những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã thực hiện cấp tổng đạt văn bản tố tụng theo điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự cho đồng bị đơn chị Nguyễn Mai H, chị Nguyễn Mai H có ý kiến nhất trí với toàn bộ các quan điểm ý kiến của chồng là anh Nguyễn Thanh T và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Mai H.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xem xét giải quyết đề nghị anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Mai H thanh toán số tiền đã vay về hình thức nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật, các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố Sơn La, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 24/6/2015 bà Nguyễn Thị T cho vợ chồng anh T chị H vay số tiền 160.000.000,đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 31/12/2015. Đến hạn thanh toán anh T chị H không thanh toán được cho bà T.

[4] Xét về hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Mai H. Hợp đồng vay tiền giữa bà T, anh T và chị là sự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh khi các bên ký kết hợp đồng, trong hợp đồng đã ghi rõ số tiền vay, thời hạn cho vay và hình thức cho vay.

Giấy vay tiền mặt ngày 24/6/2015 do anh Nguyễn Thanh T trực tiếp viết và ký tên, chị Nguyễn Mai H xác nhận được ký vào giấy vay tiền. Việc vay tiền và giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, do đó, anh T chị H phải có nghĩa vụ đối với giao dịch dân sự do mình thực hiện là thanh toán khoản vay nợ theo thỏa thuận cho bà Nguyễn Thị T.

Do hợp đồng vay tài sản hai bên ký kết với nhau từ ngày 24/6/2015, việc vay tài sản được xác lập trước ngày 01/01/2017 được thực hiện xong trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, do có tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán và lãi suất nên việc tính lãi sẽ theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 = 0,75%/tháng.

Số tiền gốc 160.000.000,đ từ ngày 01/01/2016 đến 27/7/2018 là 29 tháng 27 ngày.

$160.000.000,đ \times 0,75\%/tháng = 1.200.000,đ/tháng.$

$1.200.000,đ : 30 \text{ ngày} = 40.000.000,đ/ \text{ngày}.$

$1.200.000,đ \times 29 \text{ tháng} = 34.800.000,đ.$

$40.000.000,đ \times 27 \text{ ngày} = 1.080.000,đ.$

Tổng cộng tiền lãi: 35.880.000,đ (ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 160.000.000,đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) + 35.880.000,đ (ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) = 195.880.000,đ (một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Về án phí anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005.

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Mai H phải trả cho bà Nguyễn Thị T tiền gốc là 160.000.000,đ (một trăm sáu mươi triệu đồng); tiền lãi là 35.880.000,đ (ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 195.880.000,đ (một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 9.794.000,đ (chín triệu bảy chín mươi tư nghìn đồng).

Trả lại bà Nguyễn Thị T 4.000.000,đ (bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000425 ngày 02/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bị đơn anh Nguyễn Thanh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn chị Nguyễn Mai H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La;
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thị Hoa